

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2840 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng)

Tên chương trình: **BÁC SĨ Y KHOA**

(**MEDICAL DOCTOR**)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y khoa

Mã số: 7720101

Tên gọi của văn bằng: Bác sĩ Y khoa

### 1. Mục tiêu

Đào tạo Bác sĩ Y khoa là đào tạo những người có ý đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### 2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

#### 2.1. Kiến thức

##### PLO1. Kiến thức đại cương

- Nắm vững kiến thức cơ bản về nguyên tắc, nguyên lý, quá trình, ứng dụng của các môn học đại cương về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội.
- Vận dụng kiến thức nêu trên cho các giai đoạn tiếp theo của chương trình học.

##### PLO2. Kiến thức Y học cơ sở

- Nắm vững kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ thể người trong điều kiện bình thường và bệnh lý từ mức phân tử đến mức cơ thể (giải phẫu học, mô học, hóa sinh y học, sinh lý học, dược lý học, miễn dịch học, vi trùng học và ký sinh trùng y học).
- Hiểu rõ các yếu tố gây bệnh và giải thích được các cơ chế gây bệnh.
- Vận dụng được các kiến thức nêu trên vào triệu chứng học, bệnh học, chẩn đoán, chăm sóc, điều trị và nghiên cứu khoa học.

##### PLO3. Kiến thức Y học lâm sàng

- Hiểu biết các loại bệnh lý, các hội chứng đặc thù theo từng lứa tuổi, vùng dịch tễ, giới tính.
- Phân tích và vận dụng các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa.
- Vận dụng phương pháp luận đúng đắn vào việc chẩn đoán và điều trị.



- Phân tích được kết quả các xét nghiệm cận lâm sàng và hình ảnh học cơ bản.

#### **PLO4. Kiến thức Y học cộng đồng, y học xã hội**

- Thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Tổ chức được các hoạt động khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh.
- Phát hiện được những vấn đề sức khỏe của cộng đồng
- Đề xuất được các giải pháp cần thiết và thích hợp để giải quyết những vấn đề sức khỏe.
- Vận dụng được các công nghệ hiện đại của thế giới trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Thực hiện được những nghiên cứu khoa học về chuyên ngành.
- Thuyết trình được những chuyên đề khoa học sức khỏe.

#### **2.2. Kỹ năng**

#### **PLO5. Kỹ năng tiền lâm sàng**

- Kỹ năng tiền lâm sàng cơ bản: thực hiện thuần thục các kỹ năng giao tiếp, thăm khám, thủ thuật, xét nghiệm y khoa cơ bản, làm nền tảng cho việc phát triển các kỹ năng trong chẩn đoán và điều trị lâm sàng; đào tạo được các kỹ năng cơ bản cho các nhân viên y tế khác.

#### **PLO6. Kỹ năng khám và chữa bệnh**

- Khám và chẩn đoán: khai thác được triệu chứng cơ năng, phát hiện được các triệu chứng thực thể qua thực hành thăm khám lâm sàng, thực hiện và phát hiện các dấu hiệu bệnh lý trong giai đoạn sớm.
- Tổng hợp và phân tích được các triệu chứng cơ năng, thực thể và kết quả cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán xác định sớm, chính xác cũng như các chẩn đoán phân biệt tích hợp.
- Dựa trên y học chứng cứ, tuân thủ nội quy của khoa và bệnh viện trong việc ra quyết định trong chẩn đoán, điều trị, lưu bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, hội chẩn hoặc xuất viện.
- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp (danh mục Bộ Y tế quy định).
- Chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa (danh mục Bộ Y tế quy định).
- Sử dụng các thiết bị y khoa cơ bản và cấp cứu: máy đo điện tim, máy đo đường huyết, máy theo dõi monitor, máy sinh hóa, máy huyết học...
- Chăm sóc, tư vấn, đặc biệt cho bệnh nhân bệnh mãn tính, biện pháp phòng ngừa trong các bệnh thường gặp, hướng dẫn bệnh nhân chế độ sinh hoạt, dinh dưỡng và làm việc phù hợp.

#### **PLO7. Kỹ năng mềm:**

- **Kỹ năng mềm chung**
  - Ngoại ngữ: Chứng chỉ Tiếng Anh B1 khung Châu Âu hoặc bậc 3 trong khung 6 bậc trình độ ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định
  - Tin học: Trình độ A về tin học cơ bản. Sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm hỗ trợ để học tập nghiên cứu. Biết sử dụng ít nhất 1 phần mềm thống kê và tìm tin y khoa trên mạng. Biết làm việc qua mạng một cách thành thạo và thường xuyên.
  - Thể dục - thể thao, văn hoá – văn nghệ: luyện tập thể lực thường xuyên, chơi được ít nhất một môn thể thao, tham gia các hoạt động thể thao phù hợp với điều kiện và sở thích.
- **Kỹ năng mềm nghề nghiệp**

- Kỹ năng giao tiếp, tâm lý tiếp xúc tốt với bệnh nhân, thân nhân và đồng nghiệp.
- Tham gia cộng đồng: tìm hiểu, nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.
- Kỹ năng làm việc nhóm: thực hiện được các kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm, hợp tác trong học tập, tôn trọng kỷ luật nhóm, có tinh thần đồng đội.

#### **PLO8. Kỹ năng tự phát triển**

- Có khả năng và phương pháp cập nhật kiến thức và các kỹ năng mới, tự hoàn thiện và thăng tiến trong nghề nghiệp, đáp ứng với yêu cầu đào tạo Y khoa liên tục, đào tạo sau đại học (chuyên khoa I, chuyên khoa II, Thạc sỹ, Tiến sỹ);
- Có khả năng nghiên cứu khoa học: đặt câu hỏi nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu, tìm nguồn tài trợ, thực hiện được nghiên cứu, viết báo cáo, bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu đúng quy cách tại các hội nghị.

#### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

#### **PLO9. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với nghề nghiệp, lắng nghe, đồng cảm và chia sẻ với bệnh nhân
- Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành, với cộng đồng để mang lại hiệu quả tốt nhất trong chăm sóc sức khỏe của người bệnh và cộng đồng.
- Trung thực và khách quan trong công việc, trong cuộc sống. Có tinh thần ham học, vượt khó, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn của mình.
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền;

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 196 TC**

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

#### **5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1. Quá trình đào tạo**

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT và trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Thời gian đào tạo trong 6 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu) và học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám).

Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức cơ bản và cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong 4 năm tiếp theo.

##### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

*Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:*

- 1) Tích lũy đủ số tín chỉ và số học phần của CTĐT;
- 2) Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.00 trở lên;
- 3) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;
- 4) Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- 5) Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

## 6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Cấu trúc chương trình

Chương trình giảng dạy được chia thành các khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong bảng sau:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>21</b>	<b>0</b>
B.	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>165</b>	<b>10</b>
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	18	0
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	49	0
	III. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	90	10
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	8	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>186</b>	<b>10</b>
		<b>196</b>	

**Khối kiến thức giáo dục đại cương** có 21 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng an ninh) gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác.

**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** có 175 tín chỉ (165 bắt buộc và 10 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành và kiến thức cuối khóa nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về Y học.

## 7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
<b>A</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 10,7% số TC CTĐT</b>													
<b>I</b>	<b>Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>													
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3		45		90				IV
2	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	2		30		60				V
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30		60				V
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30		60				VI
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30		60				VI
<b>II</b>	<b>Pháp luật và Tin học</b>													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		30		60				III
7	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2		30		60				I
<b>III</b>	<b>Ngoại ngữ</b>													
8	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3		45		90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3		45		90	8			II
<b>IV</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>													
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3	1	2	3*		15	60	90				I
<b>IV</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>													
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5	5	0	5*		75		150				II
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3	0	3	3*			90	90				II
<b>B</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 175 TC (Bắt buộc: 165 TC; Tự chọn: 10 TC), chiếm 89,3% số TC CTĐT</b>													
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 9,2% số TC CTĐT</b>													
13	MD1030	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	2	2	0	2		30		60				IV
14	MD1031	Dân số - Truyền thông và Giáo dục	2	2	0	2		30		60				III

		sức khỏe												
15	MD1032	Sinh học và di truyền	3	2	1	3		36	30	102				I
16	MD1033	Lý sinh	3	2	1	3		30	30	90				I
17	MD1034	Hóa học	2	2	0	2		36		72				I
18	MD1035	Tin học ứng dụng	2	1	1	2		15	30	60		7		III
19	MD1036	Xác suất – Thống kê Y học	2	2	0	2		30	0	60				III
20	MD1037	Tâm lý Y học – Đạo đức Y học	2	2	0	2		30		60				IV
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành: 49 TC (Bắt buộc: 49 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 25% số TC CTĐT</b>													
21	MD2256	Giải phẫu I	3	2	1	3		30	30	90		21		I
22	MD2257	Giải phẫu II	3	2	1	3		30	30	90				II
23	MD2258	Mô phôi	3	2	1	3		30	30	90		15		II
24	MD2259	Sinh lý I	2	2	0	2		30		60		15, 16, 17, 21		II
25	MD2260	Sinh lý II	3	2	1	3		30	30	90		16, 17, 21		III
26	MD2261	Hóa sinh	3	2	1	3		36	30	102		17		II
27	MD2262	Vi sinh	3	2	1	3		30	30	90		15		III
28	MD2263	Ký sinh trùng	3	2	1	3		30	30	90		15		IV
29	MD2264	Giải phẫu bệnh	2	1	1	2		15	30	60		21, 22, 23		VI
30	MD2265	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1	3		30	30	90		24, 25, 26		VI
31	MD2266	Dược lý	3	2	1	3		30	30	90		24, 25, 26, 27, 28, 30		VI
32	MD2267	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0	2		30		60		26, 27		IV
33	MD2268	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	0	1		15		30		27, 28, 30		VII
34	MD2269	Dịch tễ học	2	1	1	2		15	30	60		19		X
35	MD2270	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2		15	45	75				IV
36	MD2271	Huyết học cơ bản	2	1	1	2		15	30	60		24, 25, 30		VII
37	MD2251	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	2		15	30	60		16, 21, 22		V
38	MD2274	Ung thư đại cương	2	1	1	2		15	45	75		23, 24, 25, 29		X
39	MD2275	Thực tập cộng đồng I	1	0	1	1			45	45		14, 32		V
40	MD3240	Anh văn chuyên ngành I	2	2	0	2		30		60		9		III
41	MD3241	Anh văn chuyên ngành II	2	2	0	2		30		60		40		IV

III	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành: 100 TC (Bắt buộc: 90 TC; Tự chọn: 10 TC), chiếm 51% số TC CTĐT													
42	MD3242	Tiền lâm sàng I	2	0	2	2			60	60		21, 22		IV
43	MD3243	Tiền lâm sàng II	2	0	2	2			60	60		42		V
44	MD3244	Nội cơ sở I	3	1	2	3		15	90	120		21, 22, 24, 25, 35, 42		V
45	MD3245	Nội cơ sở II	3	1	2	3		15	90	120		21, 22, 24, 25, 35, 42		V
46	MD3246	Ngoại cơ sở I	3	1	2	3		15	90	120		21, 22, 24, 25, 35, 42		VI
47	MD3247	Ngoại cơ sở II	3	1	2	3		15	90	120		21, 22, 24, 25, 35, 42		VI
48	MD3248	Nội bệnh lý I	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 31, 44, 45		VII
49	MD3249	Nội bệnh lý II	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 31, 44, 45		VII
50	MD3250	Nội bệnh lý III	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 31, 44, 45		X
51	MD3251	Nội bệnh lý IV	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 31, 44, 45		XI
52	MD3252	Ngoại bệnh lý I	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 29, 30, 46, 47		VIII
53	MD3253	Ngoại bệnh lý II	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 29, 30, 46, 47		VIII
54	MD3254	Ngoại bệnh lý III	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 29, 30, 46, 47		XI
55	MD3255	Phụ Sản I	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 46, 47		VIII
56	MD3256	Phụ Sản II	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 46, 47		VIII
57	MD3257	Phụ Sản III	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 46, 47		XI
58	MD3258	Nhi khoa I	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 44, 45		VII
59	MD3259	Nhi khoa II	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 44, 45		VII
60	MD3260	Nhi khoa III	3	1	2	3		15	90	120		27, 28, 30, 44, 45		XI
61	MD3261	Truyền nhiễm	3	2	1	3		30	45	105		27, 28, 30, 44, 45		X
62	MD3262	Y học cổ truyền	2	1	1	2		15	45	75		43, 44, 45		X
63	MD3263	Lao	2	1	1	2		15	45	75		27, 28, 30, 44, 45		IX
64	MD3264	Răng hàm mặt	2	1	1	2		15	45	75		27, 28, 30, 44, 45, 46, 47		IX
65	MD3265	Tai mũi họng	2	1	1	2		15	45	75		27, 28, 30, 44, 45, 46, 47		IX
66	MD3266	Mắt	2	1	1	2		15	45	75		27, 28, 30, 43, 44, 45, 46, 47		IX
67	MD3267	Da liễu	2	1	1	2		15	45	75		27, 28, 30, 44		IX

68	MD3268	Phục hồi chức năng	2	1	1	2		15	45	75		30, 43, 46, 47		X	
69	MD3269	Thần kinh	2	1	1	2		15	45	75		30, 44, 45		IX	
70	MD3270	Tâm thần	2	1	1	2		15	45	75		21, 22, 24, 25, 30, 44, 45, 46, 47		IX	
71	MD3271	Thăm dò chức năng	2	1	1	2		15	30	60		16, 24, 25		V	
72	MD3272	Dị ứng lâm sàng	1	1	0	1		15		30		24, 25, 30		VIII	
73	MD3273	Hóa sinh lâm sàng	1	1	0	1		15		30		21, 22, 24, 25, 26		VIII	
74	MD3274	Gây mê hồi sức	2	1	1	2		15	45	75		44, 45, 46, 47, 49		IX	
75	MD3275	Dược lý lâm sàng	2	1	1	2		15	30	60		31, 48, 49		VIII	
76	MD3276	Pháp y	1	1	0	1		15		30		52, 53, 54		VIII	
77	MD3277	Y học gia đình	2	1	1	2		15	45	75		35		X	
78	MD3278	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	1	1	0	1		15		30				VII	
79	MD3289	Y học đáp ứng với thảm họa	1	1	0	1		15		30		48, 49, 52, 53		X	
80	MD3279	Thực tập cộng đồng II	1	0	1	1			45	45		48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 78		X	
81	MD3280	LT Định hướng cơ bản CK Nội - Nhi	2	2	0		2	30		60		48, 49, 50, 51, 58, 59, 60		XI	
	MD3281	LT Định hướng cơ bản CK Ngoại - Sản										52, 53, 54, 55, 56, 57		XI	
82	MD3282	TT Định hướng cơ bản CK Nội	4	0	4		4		180	180		48, 49, 50, 51, 58, 59, 60		XII	
	MD3283	TT Định hướng cơ bản CK Ngoại										52, 53, 54, 55, 56, 57		XII	
83	MD3284	TT Định hướng cơ bản CK Sản	4	0	4		4		180	180		52, 53, 54, 55, 56, 57		XII	
	MD3285	TT Định hướng cơ bản CK Nhi										48, 49, 50, 51, 58, 59, 60		XII	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức cuối khóa: 8 TC (Bắt buộc: 8 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 4,1% số TC CTĐT</b>														
84	MD3286	Thực hành lâm sàng tổng hợp nội-ngoại-sản-nhi	4	0	4	4				180	180		96% kiến thức toàn khóa		XII
85	MD3287	Lý thuyết chuyên ngành tổng hợp nội-ngoại-sản-nhi	4	4	0	4		60			120		96% kiến thức toàn khóa		XII
<b>Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 196 TC (Bắt buộc: 186 TC; Tự chọn: 10 TC) không tính 3 TC Giáo dục</b>															



thể chất và 8TC Giáo dục Quốc phòng – An ninh

**Tổng số tiết:** 196 TC: 5148 (Lý thuyết 112 TC: 1698 tiết; Thực hành 84 TC: 3450 tiết)

## 8. Tổ chức thực hiện

### 8.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
<b>Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>16</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>207</b>	<b>90</b>
1	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0
2	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	0
3	MD1032	Sinh học và di truyền	3	2	1	3	0	36	30
4	MD1034	Hóa học	2	2	0	2	0	36	0
5	MD2256	Giải phẫu I	3	2	1	3	0	30	30
6	MD1033	Lý sinh	3	2	1	3	0	30	30
7	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3	1	2	3*	0	15	60
<b>Học kỳ II: 14 TC (Bắt buộc: 14TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>14</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>171</b>	<b>90</b>
1	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	0
2	MD2259	Sinh lý I	2	2	0	2	0	30	0
3	MD2257	Giải phẫu II	3	2	1	3	0	30	30
4	MD2261	Hóa sinh	3	2	1	3	0	36	30
5	MD2258	Mô phôi	3	2	1	3	0	30	30
6	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5	5	0	5*	0	75	0
7	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3	0	3	3*	0	0	90
<b>Học kỳ III: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>16</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>195</b>	<b>90</b>
1	MD1035	Tin học ứng dụng	2	1	1	2	0	15	30
2	MD2262	Vi sinh	3	2	1	3	0	30	30
3	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0
4	MD3240	Anh văn chuyên ngành I	2	2	0	2	0	30	0
5	MD1036	Xác suất – Thống kê Y học	2	2	0	2	0	30	0
6	MD2260	Sinh lý II	3	2	1	3	0	30	30
7	MD1031	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0	2	0	30	0
<b>Học kỳ IV: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>18</b>	<b>14</b>	<b>4</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>135</b>
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3	0	45	0
2	MD1030	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	2	2	0	2	0	30	0
3	MD2263	Ký sinh trùng	3	2	1	3	0	30	30
4	MD2267	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0	2	0	30	0
5	MD1037	Tâm lý Y học – Đạo đức Y học	2	2	0	2	0	30	0
6	MD3242	Tiền lâm sàng I	2	0	2	2	0	0	60
7	MD2270	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2	0	15	45

8	MD3241	Anh văn chuyên ngành II	2	2	0	2	0	30	0
<b>Học kỳ V: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>17</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>345</b>
1	05069	Kinh tế chính trị Mác Lê- Lê nin	2	2	0	2	0	30	0
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0
3	MD2275	Thực tập cộng đồng I	1	0	1	1	0	0	45
4	MD3243	Tiền lâm sàng II	2	0	2	2	0	0	60
5	MD3244	Nội cơ sở I	3	1	2	3	0	15	90
6	MD3245	Nội cơ sở II	3	1	2	3	0	15	90
7	MD2251	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	2	0	15	30
8	MD3271	Thăm dò chức năng	2	1	1	2	0	15	30
<b>Học kỳ VI: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>18</b>	<b>11</b>	<b>7</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>165</b>	<b>270</b>
1	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0
2	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0
3	MD2264	Giải phẫu bệnh	2	1	1	2	0	15	30
4	MD2265	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1	3	0	30	30
5	MD2266	Dược lý	3	2	1	3	0	30	30
6	MD3246	Ngoại cơ sở I	3	1	2	3	0	15	90
7	MD3247	Ngoại cơ sở II	3	1	2	3	0	15	90
<b>Học kỳ VII: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>16</b>	<b>7</b>	<b>9</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>105</b>	<b>390</b>
1	MD2271	Huyết học cơ bản	2	1	1	2	0	15	30
2	MD3248	Nội bệnh lý I	3	1	2	3	0	15	90
3	MD3249	Nội bệnh lý II	3	1	2	3	0	15	90
4	MD3258	Nhi khoa I	3	1	2	3	0	15	90
5	MD3259	Nhi khoa II	3	1	2	3	0	15	90
6	MD2268	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1	1	0	1	0	15	0
7	MD3278	Chương trình Y tế Quốc gia, tổ chức và quản lý y tế	1	1	0	1	0	15	0
<b>Học kỳ VIII: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>17</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>390</b>
1	MD3252	Ngoại bệnh lý I	3	1	2	3	0	15	90
2	MD3253	Ngoại bệnh lý II	3	1	2	3	0	15	90
3	MD3255	Phụ Sản I	3	1	2	3	0	15	90
4	MD3256	Phụ Sản II	3	1	2	3	0	15	90
5	MD3272	Di ứng lâm sàng	1	1	0	1	0	15	0
6	MD3273	Hóa sinh lâm sàng	1	1	0	1	0	15	0
7	MD3275	Dược lý lâm sàng	2	1	1	2	0	15	30
8	MD3276	Pháp y	1	1	0	1	0	15	0
<b>Học kỳ IX: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>16</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>360</b>
1	MD3263	Lao	2	1	1	2	0	15	45
2	MD3264	Răng hàm mặt	2	1	1	2	0	15	45
3	MD3265	Tai mũi họng	2	1	1	2	0	15	45
4	MD3266	Mắt	2	1	1	2	0	15	45
5	MD3267	Da liễu	2	1	1	2	0	15	45
6	MD3269	Thần kinh	2	1	1	2	0	15	45
7	MD3270	Tâm thần	2	1	1	2	0	15	45
8	MD3274	Gây mê hồi sức	2	1	1	2	0	15	45
<b>Học kỳ X: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>18</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>135</b>	<b>390</b>
1	MD2269	Dịch tễ học	2	1	1	2	0	15	30

2	MD2274	Ung thu đại cương	2	1	1	2	0	15	45
3	MD3250	Nội bệnh lý III	3	1	2	3	0	15	90
4	MD3261	Truyền nhiễm	3	2	1	3	0	30	45
5	MD3262	Y học cổ truyền	2	1	1	2	0	15	45
6	MD3268	Phục hồi chức năng	2	1	1	2	0	15	45
7	MD3277	Y học gia đình	2	1	1	2	0	15	45
8	MD3289	Y học đáp ứng với thảm họa	1	1	0	1	0	15	0
9	MD3279	Thực tập cộng đồng II	1	0	1	1	0	0	45
<b>Học kỳ XI: 14 TC (Bắt buộc: 12TC; Tự chọn: 2 TC)</b>			<b>14</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>90</b>	<b>360</b>
1	MD3251	Nội bệnh lý IV	3	1	2	3	0	15	90
2	MD3254	Ngoại bệnh lý III	3	1	2	3	0	15	90
3	MD3257	Phụ Sản III	3	1	2	3	0	15	90
4	MD3260	Nhi khoa III	3	1	2	3	0	15	90
5	MD3280	LT Định hướng cơ bản CK Nội - Nhi	2	2	0	0	2	30	0
	MD3281	LT Định hướng cơ bản CK Ngoại - Sản							
<b>Học kỳ XII: 16 TC (Bắt buộc: 8 TC; Tự chọn: 8 TC)</b>			<b>16</b>	<b>4</b>	<b>12</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>60</b>	<b>540</b>
1	MD3282	TT Định hướng cơ bản CK Nội	4	0	4	0	4	0	180
	MD3283	TT Định hướng cơ bản CK Ngoại							
2	MD3284	TT Định hướng cơ bản CK Sản	4	0	4	0	4	0	180
	MD3285	TT Định hướng cơ bản CK Nhi							
3	MD3286	Thực hành lâm sàng tổng hợp nội-ngoại-sản-nhi	4	0	4	4	0	0	180
4	MD3287	Lý thuyết chuyên ngành tổng hợp nội-ngoại-sản-nhi	4	4	0	4	0	60	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>196</b>	<b>112</b>	<b>84</b>	<b>186</b>	<b>10</b>	<b>1698</b>	<b>3450</b>

## 9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

### 9.1. Triết học Mác – Lênin

Nội dung chương trình môn Triết học Mác - Lênin được cấu trúc thành 3 chương. Giúp sinh viên nắm được triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử.

### 9.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Nội dung chương trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin được cấu trúc thành 6 chương. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản nhất về hàng hóa, thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế hàng hóa, công nghiệp hóa hiện đại hóa, hội nhập của Việt Nam.

### 9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Nội dung chương trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học được cấu trúc thành 7 chương. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình.

### 9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần gồm chương nhập môn và 3 chương trình bày và phân tích về lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam; Quá trình phát triển, hoàn thiện và lãnh đạo các cuộc cách mạng Việt Nam từ giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đến lãnh đạo cả nước

quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

### **9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh và 06 tư tưởng cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh từ cách mạng giải phóng dân tộc đến xây dựng đất nước và xây dựng con người mới.

### **9.6. Pháp luật đại cương**

Học phần pháp luật đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; ý thức pháp luật.

### **9.7. Tin học đại cương**

Học phần này giới thiệu và cung cấp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin: cấu trúc máy tính, virus máy tính, internet, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các công cụ trong bộ office 365, có thể soạn thảo văn bản, tính toán, tạo các bài trình chiếu và vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu

### **9.8. Anh văn I**

Học phần Anh văn I tích hợp 4 kĩ năng giúp cho người học sử dụng tiếng anh hiệu quả trong cuộc sống hằng ngày. Học phần cung cấp các chủ đề với nội dung phong phú, các kĩ năng tổng hợp, các hoạt động nói hấp dẫn để mở rộng thực hành tiếng Anh tự nhiên. Học phần tạo cơ hội tốt để sinh viên học tập thông qua các phương tiện khác nhau, giải quyết vấn đề bằng các tập trung vào các kĩ năng giao tiếp thực tế. Học phần trang bị cho sinh viên ngôn ngữ, kĩ năng và năng lực cần thiết để thực hiện hoạt động giao tiếp vào cuối mỗi bài học để đạt được chuẩn đầu ra. Sinh viên đạt được năng lực sử dụng tiếng anh tương ứng với trình độ A2/IELTS 3.5-4.0.

### **9.9. Anh văn II**

Học phần Anh văn II tích hợp 4 kĩ năng giúp cho người học sử dụng tiếng anh hiệu quả trong cuộc sống hằng ngày. Học phần cung cấp các chủ đề với nội dung phong phú, các kĩ năng tổng hợp, các hoạt động nói hấp dẫn để mở rộng thực hành tiếng Anh tự nhiên. Học phần tạo cơ hội tốt để sinh viên học tập thông qua các phương tiện khác nhau, giải quyết vấn đề bằng các tập trung vào các kĩ năng giao tiếp thực tế. Học phần trang bị cho sinh viên ngôn ngữ, kĩ năng và năng lực cần thiết để thực hiện hoạt động giao tiếp vào cuối mỗi bài học để đạt được chuẩn đầu ra. Sinh viên đạt được năng lực sử dụng tiếng anh tương ứng với trình độ B1/IELTS 4.0-4.5.

### **9.10. Giáo dục thể chất**

Học phần Giáo dục thể chất thuộc kiến thức giáo dục đại cương giúp sinh viên hiểu biết được cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao và trang bị cho sinh viên nắm được luật thi đấu và phương pháp trọng tài của các môn bóng chuyền, bóng đá, cầu lông.

Học phần thực hành bắt buộc giúp sinh viên tăng cường thể lực thông qua các bài tập điền kinh. Học phần tự chọn giúp các sinh viên nắm vững được các kỹ thuật cơ bản của 1 trong

3 môn thể thao tự chọn như: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Ngoài ra hỗ trợ sinh viên tích cực tham gia chơi các môn thể thao ngoại khóa nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho sinh viên.

### **9.11. Giáo dục quốc phòng – an ninh (Lý thuyết)**

***Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, 3 tín chỉ (45 tiết)*** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***Công tác quốc phòng và an ninh, 2 tín chỉ (30 tiết)*** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **9.12. Giáo dục quốc phòng – an ninh (Thực hành)**

***Quân sự chung, 1 tín chỉ (30 tiết)*** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, 2 tín chỉ (60 tiết)*** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự tham gia vào các lực lượng.

### **9.13. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe**

Học phần cung cấp các kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

### **9.14. Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe**

Học phần Dân số - Truyền thông Giáo dục sức khỏe thuộc kiến thức cơ sở khối ngành, gồm hai học phần: học phần Dân số và học phần Truyền thông – Giáo dục sức khỏe. Học phần Dân số cung cấp cho người học các khái niệm về quy mô, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, mức sinh – mức chết và các yếu tố ảnh hưởng, dân số và phát triển, các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số. Học phần Truyền thông – Giáo dục sức khỏe cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về truyền thông và giáo dục sức khỏe. Nội dung học phần trình bày các khái niệm cơ bản về truyền thông và giáo dục sức khỏe; lý thuyết về hành vi sức khỏe; các phương pháp, phương tiện truyền thông và giáo dục sức khỏe; kỹ năng truyền thông và giáo dục sức khỏe; lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các hoạt động chương trình giáo dục sức khỏe.

### **9.15. Sinh học và di truyền**

Học phần giới thiệu một số vấn đề về các nguyên lý sinh học như: sinh học phân tử,

sinh học tế bào,... Bên cạnh, học phần còn cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất, những quy luật di truyền chi phối tính trạng, bệnh tật ở người, các xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh tật và tư vấn di truyền. Nội dung học phần giúp sinh viên biết và chỉ định được một số xét nghiệm di truyền y học, cũng như tư vấn được một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp; từ đó làm nền tảng để học tiếp các môn học cơ sở và các môn lâm sàng của khối ngành khoa học sức khỏe.

### **9.16. Lý sinh**

Lý Sinh là học phần cơ sở tương đối quan trọng cho khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý có nhiều ứng dụng trong y học như sóng âm, dòng điện trong cơ thể, quang sinh học, phóng xạ sinh học..., giải thích các hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống, các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Học xong học phần này, người học sẽ có nền tảng vững chắc để học các học phần chuyên ngành có liên quan tiếp theo và giải thích được các hiện tượng vật lý và quá trình xảy ra ở cơ thể sống.

### **9.17. Hóa học**

Hóa học là học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hóa học, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động hóa học; cân bằng hóa học; dung dịch các chất không điện ly, các chất điện ly, dung dịch keo; điện hóa học; danh pháp, tính chất, phương pháp điều chế, ứng dụng y sinh học của các đơn chất, hợp chất phổ biến.

### **9.18. Tin học ứng dụng**

Học phần Tin học ứng dụng là học phần cơ sở quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong y học. Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê; thực hiện được các thao tác tìm kiếm thông tin y học trên mạng Internet và phần mềm trích dẫn tài liệu tham khảo.

### **9.19. Xác suất – thống kê y học**

Học phần Xác suất - Thống kê y học là môn cơ sở của khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về xác suất phục vụ cho thống kê, các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu; ước lượng tham số của tổng thể bằng khoảng tin cậy đối xứng; kiểm định giả thuyết một mẫu, hai mẫu và nhiều mẫu độc lập; phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan giữa 2 biến ngẫu nhiên. Nội dung học phần làm nền tảng để giải thích ý nghĩa của các thông số khi phân tích số liệu thống kê trong nghiên cứu khoa học sức khỏe.

### **9.20. Tâm lý Y học – Đạo đức Y học**

Học phần này thuộc Kiến thức cơ sở khối ngành, gồm hai phần:

**Tâm lý Y học:** mô tả các hiện tượng tâm lý, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với bệnh nhân và đồng nghiệp.

**Đạo đức y học:** trình bày các khái niệm, nguyên tắc đạo đức cơ bản trong thực hành y khoa, những quy định về đạo đức khi tiến hành nghiên cứu khoa học, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với bệnh nhân và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế.

Học phần Tâm lý học- đạo đức y học liên quan mật thiết đến môn học Khoa học hành vi - giáo dục sức khỏe.

### 9.21. Giải phẫu I

Giải phẫu I là học phần mở đầu trong các học phần cơ sở ngành nhằm giới thiệu cho sinh viên nắm được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong khối ngành khoa học sức khỏe, định nghĩa, phạm vi và cách gọi tên trong giải phẫu học, các phương tiện và phương pháp học giải phẫu. Sinh viên được học lý thuyết về cấu tạo tứ chi, đầu mặt cổ của cơ thể bình thường và thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong và mối liên quan giữa xương, cơ, mạch máu và thần kinh của tứ chi, đầu mặt cổ.

### 9.22. Giải phẫu II

Giải phẫu học phần II giới thiệu cho sinh viên về vị trí, hình thái và cấu tạo của các phần thuộc thần kinh trung ương, các cơ quan nằm ở vùng ngực, vùng bụng của cơ thể người. Sinh viên sẽ thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong, cấu tạo và mối liên quan của các phần của thần kinh trung ương, các cơ quan ở vùng ngực, vùng bụng.

### 9.23. Mô phôi

Mô Phôi là học phần cơ sở của ngành y khoa, học phần này gồm hai phần: mô học và phôi thai học. **Phần mô học** mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể người bình thường, qua đó giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của chúng. **Phần phôi thai học** mô tả quá trình hình thành và phát triển bình thường của phôi và một số cơ quan, dựa vào đó giải thích sự hình thành một số dị dạng bẩm sinh thường gặp ở người.e-

### 9.24. Sinh lý I

Sinh lý học là môn học cơ sở quan trọng trong y học, mô tả các chức năng bình thường của cơ thể sống, chủ yếu là cơ chế thực hiện và điều hòa hoạt động chức năng. Học phần I giới thiệu các vấn đề cơ bản của cơ thể sống với đơn vị sống là tế bào. Học phần này đề cập đến hai cơ chế điều hòa hoạt động của cơ thể là cơ chế thể dịch và thần kinh. Trong đó, cơ chế thần kinh thông qua việc chi phối hệ cơ để điều hòa hoạt động các cơ quan và từ đó cũng tạo sự chuyển động của cơ thể. Những kiến thức chung này được vận dụng để giải thích một số rối loạn chức năng và làm nền tảng khi tìm hiểu về sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể.

### 9.25. Sinh lý II

Học phần sinh lý II tiếp nối với học phần sinh lý I sẽ trang bị các kiến thức cơ bản về chức năng, cơ chế và điều hòa hoạt động của máu, các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để giải thích một số rối loạn chức năng, tác dụng dược lý và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

### 9.26. Hóa sinh

Học phần Hóa sinh sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về cấu trúc, chức năng, vai trò của các chất trong cơ thể, các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng và điều hòa các quá trình này. Từ những kiến thức nền tảng, người học thấy rõ mối liên

quan giữa các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể, giữa các quá trình chuyển hóa đó với những biến đổi – rối loạn bệnh lý.

### **9.27. Vi sinh**

Học phần Vi sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành gồm 2 phần: Vi sinh học đại cương và vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Phần vi sinh học đại cương: trình bày đại cương về đặc điểm vi sinh học của vi sinh vật gây bệnh; mối liên hệ giữa vi sinh vật, môi trường và cơ thể; cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và phản ứng của cơ thể đối với tình trạng nhiễm vi sinh vật; các nguyên tắc chung về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh nhiễm vi sinh vật. Phần vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp: trình bày đặc điểm vi sinh học, tính chất kháng nguyên và miễn dịch, khả năng gây bệnh, kỹ thuật chẩn đoán, nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật thường gặp.

### **9.28. Ký sinh trùng**

Ký sinh trùng là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hình thể, chu trình phát triển và gây bệnh của ký sinh trùng. Có kiến thức giúp chẩn đoán và điều trị các bệnh Ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam. Bên cạnh đó những kiến thức từ học phần còn giúp cho sinh viên có khả năng tư vấn cho cá nhân và cộng đồng về biện pháp phòng bệnh Ký sinh trùng

### **9.29. Giải phẫu bệnh**

Nội dung chính của học phần giải phẫu bệnh bao gồm: Mô bệnh học đại cương, giải thích các cơ chế bệnh lý cơ bản, tổn thương cơ bản của tế bào và mô, tổn thương rối loạn tuần hoàn, viêm và u. Học phần này cung cấp những kiến thức mô bệnh học đại cương, giải thích cơ chế biến đổi của những tổn thương ở từng cơ quan riêng lẻ: Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ sinh dục, hệ cơ xương khớp, hệ thống bạch huyết, hệ thần kinh và hệ nội tiết.

### **9.30. Sinh lý bệnh – Miễn dịch**

Học phần Sinh lý bệnh Miễn dịch sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý bệnh đại cương và sinh lý bệnh cơ quan: các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể bệnh trong các quá trình bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương trong các bệnh lý và miễn dịch học: kiến thức miễn dịch học đại cương, nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể và ý nghĩa của đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể).

### **9.31. Dược lý**

Học phần dược lý thuộc kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản, cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc, tác dụng điều trị và tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị để thuốc được sử dụng hiệu quả, hợp lý và an toàn

### **9.32. Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm**

Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) là học phần cơ sở ngành cung cấp kiến thức có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng trong các loại thực phẩm phổ biến, các vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng liên quan đến mất cân bằng dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có khả năng



đánh giá tình trạng dinh dưỡng cũng như những điều kiện đảm bảo trong công tác quản lý vệ sinh phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.

### **9.33. Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp**

Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp là học phần cơ sở ngành cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến sức khỏe và môi trường, các yếu tố môi trường ảnh hưởng lên sức khỏe và các tác động gây ô nhiễm môi trường, các yếu tố nguy cơ trong lao động; và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khỏe người lao động từ đó đề ra các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, giải pháp cải thiện điều kiện lao động và phòng chống tai nạn lao động.

### **9.34. Dịch tễ học**

Học phần cung cấp các kiến thức về nguyên lý và phương pháp dịch tễ học ứng dụng trong việc mô tả các vấn đề sức khỏe cộng đồng, nguyên lý dịch tễ học và các biện pháp phòng chống các bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm, chấn thương và các hình thức giám sát dịch tễ học.

### **9.35. Điều dưỡng cơ bản**

Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp những kiến thức cơ bản về sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, nhu cầu sức khỏe của con người, cách phòng ngừa sự cố y khoa, kiến thức cơ bản để thu thập, theo dõi và ghi nhận dấu hiệu sinh tồn, lượng dịch vào ra...; có kiến thức cơ bản trong công tác chăm sóc người bệnh trong một số tình huống lâm sàng thường gặp. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để sinh viên vận dụng vào công tác chăm sóc và điều trị người bệnh.

### **9.36. Huyết học cơ bản**

Học phần huyết học cơ bản bao gồm các kiến thức cơ sở trình bày về ba vấn đề cơ bản của huyết học là tế bào, cầm máu và truyền máu. Bên cạnh việc học lý thuyết, sinh viên sẽ được hướng dẫn các bài thực hành tương ứng với nội dung lý thuyết, bao gồm các bài phân tích các kết quả xét nghiệm huyết học truyền máu cơ bản như phết máu ngoại vi, điện di huyết sắc tố, xét nghiệm khảo sát cầm máu... Đây là học phần tiên quyết cho học phần huyết học lâm sàng mà sinh viên sẽ học vào những năm học sau.

### **9.37. Chẩn đoán hình ảnh**

Chẩn đoán hình ảnh rất quan trọng trong y học hiện đại, học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý và kỹ thuật tạo hình cơ bản của các phương tiện chẩn đoán hình ảnh; những ứng dụng, thuận lợi và hạn chế của từng loại kỹ thuật hình ảnh trong y học, từ đó sinh viên có thể nắm vững cách phân tích, mô tả hình ảnh, nhận biết hình ảnh bình thường và hình ảnh trong một số bệnh lý thường gặp của các cơ quan.

### **9.38. Ung thư đại cương**

Học phần ung thư đại cương sẽ cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về triệu chứng học, các yếu tố nguy cơ, diễn tiến tự nhiên và cơ chế bệnh sinh của bệnh lý ung thư. Học phần cũng giới thiệu các phương pháp chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý ung thư thường gặp, các biện pháp dự phòng để sinh viên có thể tư vấn phòng ngừa và phát hiện sớm bệnh ung thư.

### **9.39. Thực tập cộng đồng I**

Học phần thực tập Cộng đồng I tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận cộng đồng, tìm hiểu các yếu tố môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và tình hình thực tế một số vấn đề sức khỏe thường gặp trong cộng đồng.

### **9.40. Anh văn chuyên ngành I**

Học phần Anh văn chuyên ngành I giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề hướng dẫn sử dụng thuốc, mô tả các đơn vị, nhân sự trong bệnh viện, các bộ phận cơ thể, hệ hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

### **9.41. Anh văn chuyên ngành II**

Học phần Anh văn chuyên ngành II giới thiệu các chủ điểm liên quan đến hệ trong cơ thể như máu, xương, da, khai thác bệnh sử, mô tả triệu chứng, thăm khám và các chuyên khoa y học gia đình, nhi, các hệ trong cơ thể như nội tiết, sinh sản, tiết niệu, xét nghiệm, chẩn đoán, các chuyên khoa ngoại, sản và công việc điều dưỡng. Học phần này trang bị cho người học từ vựng liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập ở trên.

### **9.42. Tiền lâm sàng I**

Học phần Tiền lâm sàng I là học phần Kỹ năng điều dưỡng và Y khoa cơ bản; nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng trong giao tiếp với bệnh nhân, thăm khám cơ bản, thực hiện một số thủ thuật y khoa để bước đầu tạo cơ hội cho sinh viên thiết lập mối quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc. Ngoài ra, học phần này còn giúp cho sinh viên rèn luyện thái độ đúng, tích cực trong suốt quá trình tiếp xúc với bệnh nhân.

Qua cách tổ chức một buổi tiếp xúc với bệnh nhân giả, sinh viên áp dụng kỹ năng giao tiếp cơ bản để khai thác các thuộc tính của triệu chứng, thảo luận nhóm, cho nhận phản hồi mang tính xây dựng. Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học (giải phẫu, sinh lý) để thực hành thăm khám một số hệ cơ quan giúp nhận ra các biểu hiện, dấu hiệu bình thường trên bệnh nhân giả; thực hành các thủ thuật y khoa, điều dưỡng trên mô hình đúng phương pháp, an toàn và vô khuẩn.

Sinh viên được đánh giá và phản hồi mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua các hình thức: kiểm tra trong giờ học, bài tập tự học, kiểm tra cuối kỳ qua trắc nghiệm trên máy tính, OSCE...

### **9.43. Tiền lâm sàng II**

Học phần Tiền lâm sàng II là học phần Kỹ năng chuyên khoa cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn tăng cường sự tuân thủ điều trị, thông báo tình huống xấu; các kỹ năng thăm khám – thủ thuật cơ bản về nội, ngoại, sản, nhi, mắt, tai mũi họng; tổng hợp thăm khám và xử trí cấp cứu ban đầu một số tình huống lâm sàng. Qua tiếp cận với bệnh nhân giả, mô hình, thảo luận nhóm, xử trí tình huống, sinh viên sẽ rèn luyện và lồng ghép các kỹ năng giao tiếp, thăm khám và thủ thuật vào tiếp cận trường hợp bệnh để chuẩn bị thực hành thực tế tại bệnh viện. Sinh viên được đánh giá và phản hồi mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua các hình thức: kiểm tra trong giờ học, bài tập tự học, kiểm tra cuối kỳ qua tự luận, OSCE...

### **9.44. Nội cơ sở I**

Nội dung học phần hướng dẫn sinh viên cách tiếp cận bệnh nhân, khai thác triệu chứng cơ năng, thăm khám toàn diện nhằm phát hiện được triệu chứng; nắm được nguyên nhân gây bệnh, phương pháp thăm dò trong bệnh lý hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu và huyết học để chỉ định đúng và nhận định được kết quả làm cơ sở để hướng tới chẩn đoán bệnh. Học phần giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tiếp học phần nội bệnh lý và các học phần khác.

#### **9.45. Nội cơ sở II**

Học phần hướng dẫn sinh viên cách tiếp cận bệnh nhân, khai thác triệu chứng cơ năng, thăm khám toàn diện nhằm phát hiện được triệu chứng cơ năng và thực thể; nắm được nguyên nhân gây bệnh và cận lâm sàng, phương pháp thăm dò trong bệnh lý thần kinh, nội tiết, cơ xương khớp, các triệu chứng chung thường gặp để chỉ định đúng và nhận định được kết quả làm cơ sở để hướng tới chẩn đoán bệnh. Học phần giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tiếp học phần nội bệnh lý và các học phần khác.

#### **9.46. Ngoại cơ sở I**

Nội dung học phần gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về vô khuẩn và tiết khuẩn trong ngoại khoa. Học phần cũng giúp sinh viên khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh đường tiêu hóa, lồng ngực mạch máu và nhiễm khuẩn tiết khuẩn trong ngoại khoa.

#### **9.47. Ngoại cơ sở II**

Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám các triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình, ngoại niệu thường gặp.

#### **9.48. Nội bệnh lý I**

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh, các phương pháp thăm dò, hình ảnh giúp chẩn đoán bệnh về hệ tiêu hóa, thận tiết niệu. Những nguyên tắc điều trị được cập nhật, phác đồ điều trị và thuốc dùng điều trị chính trong các bệnh về tiêu hóa, thận tiết niệu cũng như các nguyên tắc dự phòng các bệnh này cũng được giới thiệu đầy đủ trong học phần này.

#### **9.49. Nội bệnh lý II**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh, các phương pháp thăm dò giúp chẩn đoán bệnh về tim mạch, hô hấp. Tiêu chí chẩn đoán các bệnh được cập nhật, việc chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt được biên soạn giúp cho sinh viên có thể áp dụng tốt trong thực hành. Những nguyên tắc điều trị kinh điển và hiện đại, phác đồ xử trí và các thuốc được dùng điều trị chính trong các bệnh về tim mạch, hô hấp sẽ được giới thiệu đầy đủ trong học phần này. Song song với việc điều trị, các nguyên tắc dự phòng bệnh cũng được đề cập đầy đủ.

#### **9.50. Nội bệnh lý III**

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ

bản của bệnh, các phương pháp thăm dò, hình ảnh giúp chẩn đoán bệnh về hệ nội tiết, cơ xương khớp. Những nguyên tắc điều trị được cập nhật, phác đồ điều trị và thuốc dùng điều trị chính trong các bệnh về nội tiết, cơ xương khớp cũng như các nguyên tắc dự phòng các bệnh này cũng được giới thiệu đầy đủ trong học phần này.

#### **9.51. Nội bệnh lý IV**

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh, các phương pháp thăm dò, hình ảnh giúp chẩn đoán bệnh về hồi sức cấp cứu, huyết học. Những nguyên tắc điều trị được cập nhật, phác đồ điều trị và thuốc dùng điều trị chính trong các bệnh về hồi sức cấp cứu, huyết học cũng như các nguyên tắc dự phòng các bệnh này cũng được giới thiệu đầy đủ trong học phần này.

#### **9.52. Ngoại bệnh lý I**

Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt. Các nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu cũng như chỉ định và điều trị các cấp cứu bụng, ngoại tiêu hóa gan mật, ngoại nhi thường gặp được nêu đầy đủ trong học phần này.

#### **9.53. Ngoại bệnh lý II**

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh ngoại lồng ngực-mạch máu, chấn thương chỉnh hình thường gặp. Sau khi kết thúc học phần người học có khả năng tham gia khám chữa bệnh các bệnh lý về chấn thương cơ quan vận động và lồng ngực.

#### **9.54. Ngoại bệnh lý III**

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh ngoại thần kinh và ngoại niệu thường gặp. Tiếp cận được các phương pháp chẩn đoán và điều trị hiện đại tại bệnh viện.

#### **9.55. Phụ sản I**

Học phần Phụ sản I cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai kỳ bình thường; đánh giá ban đầu các thay đổi sinh lý sinh dục nữ bình thường và khi mang thai, thai kỳ nguy cơ, từ đó thực hiện chăm sóc bà mẹ trong thai kỳ, trong chuyển dạ, sau sinh và chăm sóc trẻ sơ sinh.

#### **9.56. Phụ sản II**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về triệu chứng, chẩn đoán những trường hợp bất thường và một số bệnh lý xảy ra trong thai kỳ gây nguy hiểm cho người mẹ và thai nhi, giúp sinh viên biết cách chăm sóc một số trường hợp thai suy và cách hồi sức sơ sinh, tư vấn theo dõi một số bệnh lý phụ khoa thường gặp.

#### **9.57. Phụ sản III**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để chẩn đoán, xử trí trường hợp sản-phụ khoa bệnh lý, ứng dụng các phương pháp thăm dò phụ khoa để phát hiện sớm ung thư phụ khoa, đồng thời cũng giúp sinh viên biết cách tư vấn về các biện pháp kế

hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng..

### **9.58. Nhi khoa I**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhi khoa cơ sở như sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ, cách theo dõi và đánh giá sức khỏe trẻ em qua các thời kỳ, những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của các hệ thống trong cơ thể trẻ em như đặc điểm bộ máy hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu. Đồng thời, học phần cũng giúp cho sinh viên chẩn đoán và xử trí những bệnh thường gặp ở trẻ em như suy dinh dưỡng, tiêu chảy cấp, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và các kiến thức về dinh dưỡng, hướng dẫn thực hành về nuôi dưỡng trẻ em.

### **9.59. Nhi khoa II**

Học phần này cung cấp cho sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nguyên nhân, chẩn đoán, xử trí, dự phòng các bệnh tim mạch, thận niệu, hô hấp, sơ sinh thường gặp ở trẻ em. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên kiến thức và thực hành về chẩn đoán, xử trí, dự phòng các sang chấn sản khoa, bệnh giun và biến chứng do nhiễm giun ở trẻ em.

### **9.60. Nhi khoa III**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên có những kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (đánh giá, phân loại, xử trí trẻ bệnh dưới 5 tuổi). Đồng thời, học phần này cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán và xử trí các bệnh huyết học, suy hô hấp, co giật, hôn mê, ngộ độc ở trẻ em, bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, viêm màng não trẻ em.

### **9.61. Truyền nhiễm**

Học phần truyền nhiễm bao gồm những nội dung liên quan đến đặc điểm dịch tễ học, tác nhân gây bệnh, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, các thể lâm sàng, biến chứng. Qua đó giúp sinh viên có thể chẩn đoán, điều trị và các biện pháp dự phòng của các bệnh truyền nhiễm thường gặp.

### **9.62. Y học cổ truyền**

Y học cổ truyền là học phần chuyên khoa quan trọng, giúp cho sinh viên có thể kết hợp Đông Tây Y trong hoạt động chuyên môn. Nội dung học phần bao gồm những học thuyết của hệ lý luận cơ bản và phương pháp chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền, các phương pháp điều trị dùng thuốc và không dùng thuốc. Học phần này giúp người học nhận dạng được một số vị thuốc đông dược thông dụng, làm được các thủ thuật châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt,... để điều trị một số bệnh thường gặp.

### **9.63. Lao**

Lao là môn học chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về bệnh lao, dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, từ đó sinh viên khả năng chẩn đoán, điều trị các dạng lao phổi và ngoài phổi thông thường. Sinh viên có thể tham gia quản lý chương trình chống lao quốc gia, cũng như kỹ năng xử trí các cấp cứu trong bệnh lao.

### **9.64. Răng hàm mặt**

Học phần Răng hàm mặt sẽ trang bị những kiến thức bệnh lý răng miệng thường gặp và

những chấn thương hàm mặt cùng các dạng viêm nhiễm, u nang vùng hàm mặt,... nguyên nhân gây bệnh, hướng xử trí và dự phòng các bệnh răng miệng cũng như các chỉ định và chống chỉ định nhổ răng.

### **9.65. Tai mũi họng**

Học phần tai mũi họng sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và hướng điều trị, dự phòng một số bệnh tai mũi họng thường gặp. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử trí cấp cứu một số bệnh tai mũi họng thường gặp.

### **9.66. Mắt**

Học phần mắt cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, dịch tễ, bệnh học, điều trị và các biện pháp dự phòng về bệnh mắt thường gặp. Từ đó, học phần cũng giúp cho sinh viên thực hiện một số kỹ năng về thăm khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí phù hợp các bệnh lý cũng như một số tình huống cấp cứu thường gặp tại mắt.

### **9.67. Da liễu**

Da liễu là một học phần chuyên ngành, nội dung bao gồm các kiến thức tổng quát về một số bệnh da thường gặp, bệnh phong và bệnh lây truyền qua đường tình dục nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, thái độ, kỹ năng chẩn đoán, xử trí ban đầu và cách tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân. Học phần giúp tạo nền tảng cho sinh viên y khoa ứng dụng trên lâm sàng cũng như phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu sâu thêm về chuyên khoa sau này.

### **9.68. Phục hồi chức năng**

Nội dung học phần phục hồi chức năng gồm quá trình khuyết tật, các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, các hình thức phục hồi chức năng, vai trò của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu, các dụng cụ phục hồi chức năng... Học phần giới thiệu cho sinh viên cách khám trong chuyên ngành phục hồi chức năng, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị các bệnh thường gặp bằng phương pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng.

### **9.69. Thần kinh**

Thần kinh là môn học chuyên ngành của y khoa, có mối liên hệ mật thiết với rất nhiều các chuyên ngành khác nhau như nội khoa, ngoại thần kinh, ngoại chấn thương, y học cổ truyền, lão khoa... Học phần thần kinh này sẽ giúp cho sinh viên có kiến thức về dịch tễ học, lâm sàng, cận lâm sàng, kỹ năng thăm khám, các thủ thuật giúp chẩn đoán một số bệnh lý thần kinh thường gặp. Tiêu chí chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng, bệnh lý thần kinh thường gặp được cập nhật trong học phần này, từ đó sinh viên có thể chẩn đoán, điều trị và tư vấn dự phòng một số bệnh lý thường gặp.

### **9.70. Tâm thần**

Nội dung học phần tâm thần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về dịch tễ, các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần, các triệu chứng, các biểu hiện lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp. Người học cũng được cung cấp các kiến thức về điều trị, xử trí cấp cứu các rối loạn tâm thần, tổ chức chăm sóc và theo dõi bệnh nhân tâm thần ở cộng đồng.

### 9.71. Thăm dò chức năng

Học phần Thăm dò chức năng giới thiệu lại các kiến thức nền tảng của sinh lý học, qua đó trang bị cho người học những vấn đề đại cương về chẩn đoán chức năng hoạt động các cơ quan trong cơ thể. Những nguyên lý kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá chức năng sẽ giúp người học có kiến thức về sinh lý lâm sàng phục vụ cho việc nghiên cứu, chẩn đoán, theo dõi và tiên lượng các rối loạn chức năng của cơ thể.

### 9.72. Dự ứng lâm sàng

Dự ứng lâm sàng là môn học về miễn dịch dự ứng. Đây là một môn học tìm hiểu các khái niệm cơ bản về dự ứng học, các dị nguyên, các phản ứng dự ứng, các bệnh lý dị ứng và cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý dị ứng thường gặp trên lâm sàng. Từ đó, giúp người học giải thích được cơ chế miễn dịch dự ứng của các bệnh lý dị ứng và đưa ra những nguyên tắc điều trị bệnh lý dị ứng lâm sàng.

### 9.73. Hóa sinh lâm sàng

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của hóa sinh lâm sàng như: cách trình bày kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của các xét nghiệm hóa sinh trong lâm sàng, biện luận các kết quả hóa sinh trong máu, nước tiểu và dịch cơ thể có liên quan đến bệnh lý của các cơ quan như gan, thận,... giải thích một số rối loạn chức năng cơ quan trong cơ thể.

### 9.74. Gây mê hồi sức

Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên về lịch sử phát triển ngành gây mê hồi sức, một số phương pháp vô cảm thông thường, chỉ định và chống chỉ định, các tai biến biến chứng của từng phương pháp vô cảm, cách phòng ngừa và xử trí các tai biến biến chứng đó. Sinh viên cũng được học tập để thực hiện được một số thủ thuật cơ bản như úp mặt nạ, bóp bóng giúp thở, đặt nội khí quản hoặc kiến tập một số kỹ thuật nâng cao.

### 9.75. Dược lý lâm sàng

Học phần Dược lý lâm sàng thuộc kiến thức ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thông tin thuốc, tương tác thuốc, đặc điểm các nhóm thuốc, lợi ích và những tác hại cần theo dõi... giúp người học áp dụng vào việc chọn lựa thuốc điều trị dựa vào tác dụng, lợi ích của thuốc, dựa vào các hướng dẫn điều trị đáp ứng sử dụng thuốc hiệu quả, hợp lý và an toàn.

### 9.76. Pháp y

Pháp y là cầu nối giữa y học và pháp luật, là một ngành trong y khoa tham gia một cách hữu hiệu vào pháp lý thông qua việc áp dụng các kiến thức lâm sàng, cận lâm sàng và giải phẫu tử thi để xác định các nguyên nhân tử vong. Bên cạnh đó, còn giúp rất nhiều trong việc đánh giá hiệu quả công tác điều trị, rút kinh nghiệm chuyên môn. Nội dung học phần pháp y cung cấp kiến thức chủ yếu của lĩnh vực của pháp y hình sự, bao gồm: tử thi học, thương tích học và các hình thái chết không tự nhiên khác. Qua đó, sinh viên hiểu được ý nghĩa của giải phẫu tử thi và các trường hợp cần thiết phải giải phẫu tử thi.

### 9.77. Y học gia đình

Nội dung học phần y học gia đình bao gồm các nguyên lý của y học gia đình, việc ứng dụng các nguyên lý chính vào chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh mạn tính và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình tại phòng khám ngoại trú và tại cộng

đồng.

### **9.78. Chương trình y tế quốc gia, tổ chức và quản lý y tế**

Học phần này thuộc kiến thức ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các thành phần chức năng nhiệm vụ của mạng lưới y tế Việt Nam và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y tế; Các chương trình mục tiêu quốc gia y tế giai đoạn 2012 – 2015 bao gồm Dự án Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng; Tiêm chủng mở rộng; Chương trình phòng, chống HIV/AIDS.

### **9.79. Y học đáp ứng với thảm họa**

Y học đáp ứng với thảm họa là học phần kiến thức ngành cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về thảm họa và kiến thức cơ bản về quản lý thảm họa; kiến thức về hậu quả của thảm họa và phương pháp quản lý những hậu quả của thảm họa. Sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản vào việc đánh giá nhu cầu sức khỏe và đáp ứng xử trí đối với các tình huống y tế khẩn cấp.

### **9.80. Thực tập cộng đồng II**

Học phần thực hành cộng đồng II về tổ chức và hoạt động của trạm y tế; tìm hiểu việc thực hiện các hoạt động xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, chọn một vấn đề sức khỏe cộng đồng để tiến hành khảo sát đánh giá nhu cầu và thực hiện can thiệp bằng truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

### **9.81. Lý thuyết Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội – Nhi**

#### ***Phần Nội***

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành về bệnh lý, các phương pháp chẩn đoán và điều trị những bệnh nội khoa thường gặp trong các chuyên khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa. Nội dung biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về điều trị, qua đó sinh viên có thể thực hành có hiệu quả việc chăm sóc, điều trị dự phòng bệnh và có thể tham gia xử trí những trường hợp cấp cứu trong lĩnh vực khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa.

#### ***Phần Nhi***

Nội dung học phần định hướng cơ bản chuyên khoa nhi cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, xử trí các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, huyết học, thần kinh, tim mạch, các bệnh lý sơ sinh như dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên rèn luyện những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong công tác chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh lý cấp cứu ở trẻ em.

### **9.82. Thực tập Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành về bệnh lý, các phương pháp chẩn đoán và điều trị những bệnh nội khoa thường gặp trong các chuyên khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa. Nội dung biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về điều trị, qua đó sinh viên có thể thực hành



có hiệu quả việc chăm sóc, điều trị dự phòng bệnh và có thể tham gia xử trí những trường hợp cấp cứu trong lĩnh vực khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa.

### **9.83. Thực tập định hướng cơ bản chuyên khoa Nhi**

Nội dung học phần định hướng cơ bản chuyên khoa nhi cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, xử trí các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, huyết học, thần kinh, tim mạch, các bệnh lý sơ sinh như dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên rèn luyện những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong công tác chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh lý cấp cứu ở trẻ em.

### **9.84. Lý thuyết Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại – Sản**

#### ***Phần Ngoại***

Nội dung học phần định hướng chuyên khoa ngoại gồm cấp cứu ngoại khoa về bụng cấp, các bệnh lý lồng ngực mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Chi tiết học phần gồm bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh cấp cứu bụng, ngoại tiêu hóa, lồng ngực-mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Thực hiện các thủ thuật cơ bản trong cấp cứu bụng và ngoại khoa tiêu hóa, phụ mổ các ca bệnh từ đơn giản đến phức tạp.

#### ***Phần Sản***

Học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa phụ sản giúp cho sinh viên có thể chẩn đoán phân loại thai kỳ nguy cơ cao (sản bệnh, sản khó) từ đó đưa ra quy trình quản lý thai kỳ, điều trị sản bệnh phù hợp, quản lý thai kỳ. Học phần cũng giúp cho sinh viên có thể thực hiện được một số thủ thuật không xâm lấn trong chẩn đoán và điều trị sản phụ khoa, thăm dò bệnh lý ung thư phụ khoa

### **9.85. Thực tập Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại**

Nội dung học phần định hướng chuyên khoa ngoại gồm cấp cứu ngoại khoa về bụng cấp, các bệnh lý lồng ngực mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Chi tiết học phần gồm bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh cấp cứu bụng, ngoại tiêu hóa, lồng ngực-mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Thực hiện các thủ thuật cơ bản trong cấp cứu bụng và ngoại khoa tiêu hóa, phụ mổ các ca bệnh từ đơn giản đến phức tạp.

### **9.86. Thực tập Định hướng cơ bản chuyên khoa Sản**

Học phần Định hướng cơ bản chuyên khoa phụ sản giúp cho sinh viên có thể chẩn đoán phân loại thai kỳ nguy cơ cao (sản bệnh, sản khó) từ đó đưa ra quy trình quản lý thai kỳ, điều trị sản bệnh phù hợp, quản lý thai kỳ. Học phần cũng giúp cho sinh viên có thể thực hiện được một số thủ thuật không xâm lấn trong chẩn đoán và điều trị sản phụ khoa, thăm dò bệnh lý ung thư phụ khoa

### **9.87. Thực hành lâm sàng tổng hợp nội – ngoại – sản – nhi**

Thực hành lâm sàng tổng hợp nội-ngoại-sản-nhi thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành.

Học phần này giúp sinh viên thực hành tổng hợp các kiến thức, kỹ năng khám, chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp trên lâm sàng.

### **9.88. Lý thuyết chuyên ngành tổng hợp nội – ngoại – sản – nhi**

Lý thuyết chuyên ngành tổng hợp nội-ngoại-sản-nhi là môn học tổng hợp kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Học phần này giúp cho sinh viên tự ôn tập các kiến thức đã học để hoàn thiện kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành Y khoa.